

Số: 252 /BC - UBND

TP. Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai 6 tháng đầu năm 2018 và kết quả rà soát các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn thành phố

Chủ tịch UBND thành phố báo cáo kết quả thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai 6 tháng đầu năm năm 2018 theo Công văn số 793/SNN - TL ngày 02/7/2018 và kết quả rà soát các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều theo Công văn số 665/SNN - TL ngày 01/6/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

1. Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đê điều 6 tháng đầu năm 2018

1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai

a) Ở thành phố

- Ngày 18/01/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 13/KH - UBND về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố năm 2018. Sau mỗi giai đoạn, đã tổ chức kiểm điểm, đánh giá tiến độ và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Quá trình thực hiện, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành nhiều Công văn chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị và UBND phường, xã có đê thực hiện (số 623/UBND - KT ngày 28/3/2018, số 688/UBND - KT ngày 03/4/2018, số 954/UBND - KT ngày 27/4/2018...).

- Ban Chỉ đạo Xử lý vi phạm đê điều thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc phường, xã có đê thực hiện. Đối với vụ việc phức tạp, lãnh đạo UBND thành phố đã trực tiếp xuống địa bàn để kiểm tra, chỉ đạo xử lý.

b) Ở phường, xã có đê

Chủ tịch UBND phường, xã có đê đã ký cam kết với Chủ tịch UBND thành phố trong công tác chỉ đạo, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai. Đồng thời, chủ động phối hợp với Hạt Quản lý đê và đơn vị chuyên môn thành phố liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm phát sinh; tổ chức lực lượng, phương tiện cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm đối với các trường hợp cố tình không thực hiện. Cơ bản các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn được phát hiện và xử lý kịp thời.

1.2. Kết quả xử lý

a) Các trường hợp theo Công văn số 429/UBND - NN ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh:

Tổng số trường hợp vi phạm phải xử lý: 10 trường hợp với 15 hành vi, đã xử lý 10/10 trường hợp với 15/15 hành vi, đạt 100% (Có biểu số 1 kèm theo).

b) Các trường hợp vi phạm phát sinh từ ngày 01/01/2018 đến 30/6/2018:

Tổng số vi phạm phát sinh: 09 trường hợp với 10 hành vi, đã xử lý 09/09 trường hợp với 10/10 hành vi, đạt 100% (có biểu số 2 kèm theo).

1.3. Đánh giá:

a) Ưu điểm

- Công tác quản lý, bảo vệ đê điều luôn được các cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến phường, xã nơi có đê quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả cao. Các phường, xã đã chủ động, tích cực, quyết liệt, sâu sát hơn trong việc kiểm tra, giám sát tuyến đê được giao quản lý, cơ bản các vi phạm đã được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời.

- Trong quá trình thực hiện, luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, ngành tỉnh liên quan, đồng thời, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thành phố và phường, xã có đê.

b) Tồn tại

- Có thời điểm, một số phường, xã chưa tập trung cao nên phát sinh vi phạm hoặc để vật liệu xây dựng, chất tải cao so với quy định tại bến bãi tập kết, kinh doanh vật liệu ven sông.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai ở một số phường, xã có đê chưa thường xuyên.

c) Nguyên nhân của tồn tại

- Hệ thống đê trên địa bàn thành phố dài (trên 30 km) trong khi số lượng người thực thi nhiệm vụ còn nhỏ, ở phường, xã có đê chưa có cán bộ chuyên trách về đê điều, người thực thi nhiệm vụ thường kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực công tác khác nhau, nên việc tham mưu biện pháp quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm có nơi, có lúc chưa kịp thời.

- Hệ thống đê trên địa bàn thành phố đi qua nhiều khu dân cư tập trung, các hộ dân đã sống ổn định dọc tuyến đê từ nhiều đời, nay công trình đã xuống cấp cần phải cải tạo, sửa chữa nên phát sinh vi phạm. Nhiều trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều có đất, công trình kiên cố nằm trong hành lang bảo vệ đê nhưng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khó xử lý triệt để.

1.4. Biện pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thành phố và UBND phường, xã nơi có đê thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 14/2018/QĐ - UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đê điều, không để phát sinh vi phạm mới. Giao đơn vị chuyên môn thành phố hoàn thành cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê để làm cơ sở cho công tác quản lý, bảo vệ đê điều; tổ chức tuyên truyền đến người dân trên địa bàn thành phố, tập trung vào các hộ dân sinh sống ven đê các quy định của nhà nước trong quản lý, bảo vệ đê điều bằng các hình thức phù hợp.

2. Kết quả rà soát các trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều và phòng chống thiên tai:

Căn cứ hồ sơ do Hạt Quản lý đề và cơ quan liên quan thiết lập, tính đến 30/6/2018, trên địa bàn thành phố tồn tại 227 trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều, trong đó:

- Vi phạm trước khi có Luật Đề điều (*trước 01/7/2007*): 113 trường hợp với 149 hành vi. Trong đó: Nhà kiên cố 28 hành vi; công trình phụ 16 hành vi; công trình tạm 38 hành vi; tường rào, trụ cổng 67 hành vi.

- Vi phạm sau khi có luật đề điều (*từ 01/7/2007 đến 30/6/2018*): 67 trường hợp với 77 hành vi. Trong đó: Nhà kiên cố 7 hành vi; công trình phụ 4 hành vi; công trình tạm 33 hành vi; tường rào, trụ cổng 23 hành vi; chất tải vật liệu 1 hành vi; trồng cây lâu năm 2 hành vi; khác 7 hành vi.

(Có biểu số 3, 4 kèm theo).

Chủ tịch UBND thành phố trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy, HĐND thành phố (để B/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Thủy lợi;
- Các đơn vị: Kinh tế, QLĐT, Đội QL TT GTXD & MT, Hạt Quản lý đề TP;
- UBND phường, xã có đề;
- LĐ, CV KT VP HĐND - UBND TP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thạo



**DANH SÁCH VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
THEO CÔNG VĂN SỐ 429/UBND-NN NGÀY 06/12/2018 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số 252 /BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

Biểu số 1

TT	Họ và tên	Xã, phường	Vị trí	Số hành vi	Hình thức vi phạm	Phía		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						Đ	S		
	TỔNG SỐ			15					
I	TÁ THƯƠNG			7					
1	Nguyễn Văn Tám	Tân Tiến	Km13+00 0	1	Chất tải vật liệu		x	Khối lượng 300÷350m ³	Đã xử lý
2	Nguyễn Văn Toàn (Vợ Phạm Thị Nhung)	Lê Lợi	K1 0+950	4	Bán mái Nhà cấp 4 Bán mái Tường rào	x		- (6x2,5)m - (10x5)m, cao 3,5m - (5x3)m - (25x0,1 1)m, cao 2m	Đã xử lý
3	Trần Văn Nụ	Tân Tiến	K14+790	1	Xây nhà cấp 4	x		(5,5x3)m	Đã xử lý
4	Côngty TNHH Việt Ninh	Thọ Xương	K7+150	1	Chôn 4 cột bê tông trong hành lang bảo vệ đê		x	(0,12x0,15)m, cao 3,25m	Đã xử lý
II	HỮU THƯƠNG			8					
1	Nguyễn Văn Long	Song Mai	K34+150	2	Xây dựng trụ công, làm hàng rào bằng bê tông đúc sẵn	x		- 02 trụ (0,45x0,45x2,25)m - Tường 1 dài 10,5m, cao từ 1,55 m÷1,7m dọc theo đê - Tường 2 dài 15m, cao từ 1,55m ÷ 1,75m vuông góc với đê	
2	Phạm Văn Sáng	Song Mai	K32+350	1	Xây dựng công trình phụ		x	(3,2x8,4)m, cao 2,5÷3,0m	Đã xử lý
3	Ngô Thị Tươi	Song Mai	K32+370	2	Xây dựng công trình phụ Xây dựng nhà cấp 4	x		- (5x3,1)m, cao 2÷2,5m - (5x9)m, cao 4÷5m	Đã xử lý
4	Lê Thị Hà	Song Mai	K32+460	1	Xây dựng công trình phụ	x		(3x4)m, cao từ 3÷3,5m	Đã xử lý

5	Trịnh Văn Khang	Đồng Sơn	K39+995	1	Chôn cột bê tông sắt mép đê	x	(0,13x0,15)2,5m/cột	Đã xử lý
6	Thân Thị Huyền	Đồng Sơn	K38+150	1	Xây trụ công, tường bao		- 02 trụ công (0,47x0,47)m, cao 2,5m. - Tường 1 (4,3 x0,22)m, cao 2,1m. Tường 2 (4x0,22)m, cao 0,1÷ 0,9m. - Tường 3 (6,95x0,22)m, cao 1,6m.	Đã xử lý

DANH SÁCH VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI PHÁT SINH
(Từ 01/01/2018 đến 31/6/2018)

Biểu số 2

TT	Họ và tên	Xã, phường	Vị trí	Số hành vi	Hình thức vi phạm	Phía		K/C so với MC đê		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						Đ	S	<5M	>5M		
	TỔNG SỐ			10							
I	TÁ THƯƠNG			5							
1	Nguyễn Việt Nguyên	L.Lợi	11+950	2	Dựng 8 cột kèo thép		x	Cách mặt bê tông 6m		08 cột thép	Xử lý ngay
					Xây công trình phụ		x			(1,4x1,7)m, cao 2,2m	
2	Nguyễn Quốc Chi	T.Xuông	8+850-9+000	1	Chôn 56 cột bê tông		x	Mặt, mái, chân đê		KT mỗi cột: (0,1x0,1)m, cao 1,2-1,5m	Đã xử lý
3	Trần Quang Hiên	Tân Tiến	12+800	1	Chất tải gạch		x		B.Sông	Khoảng 10,000 viên	Đã xử lý
4	Lê Thị Hằng	L.Lợi	10+900	1	Mở rộng hàn khung sắt		x		Mái kè	(8x4)m, cao 4m	Đã xử lý
II	HỮU THƯƠNG			5							
1	Cty CP tư vấn ĐTXD Hà Nội	Đ.Mai	36+200-36+400	1	XD nhà quản lý và điều hành không đúng cấp phép		x		B.Sông	Nhà quản lý và điều hành A1 (51,55 x 6,22)m, cao 3,6m; cấp phép (46,82 x 6,72)m	Đã xử lý
2	Thôn Hà - xã Song Mai	S.Mai	32+950	1	Đổ bùn thải	x		Mặt cơ		25m ³	Xử lý ngay
3	Nguyễn Thị Hà	Đ.Sơn	40+350	1	Chôn cột làm CTP	x		Cách chân đê 3,5m		(7,1x3,9x1,8-2,2)m	Xử lý ngay
4	Đình Văn Định	Đ.Sơn	42+350	1	Dựng hàng rào lưới B40	x		Mặt, mái cơ		Dài 95m dọc đê, cao 1m	Xử lý ngay
5	Lê Thị Hằng	Lê Lợi	10+900	1	Mở rộng khung sắt		x		Mái kè	(8x4)m cao 4m	Xử lý ngay

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM ĐÊ ĐIỀU TÒN TẠI TRƯỚC KHI CÓ LUẬT ĐÊ ĐIỀU
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

Biểu số 3

STT	Chủ hộ	Số hành vi	Vị trí (Km)	Xã, phường	Hình thức vi phạm	Phía		Khoảng cách so với mc đê		Ghi chú
						Đông	Sông	<5m	>5m	
	TỔNG (A+B)	149								
A	TÁ THƯƠNG	104								
I	PHƯỜNG THỌ XƯƠNG	25								
1	Trần Văn Sứ (SN 02)	2	K5+450	T.Xương	Tường rào		x	1,7m		
					Bán mái		x	1,7m		
2	Đỗ Xuân Hà (SN 04)	1	K5+475	T.Xương	Nhà cấp 4		x	1m		
3	Đỗ Ngọc Cường (SN 06)	2	K5+490	T.Xương	Tường rào		x	1m		
					Bán mái		x	1m		
4	Nguyễn Thị Nhự (SN 08)	4	K5+500	T.Xương	Nhà cấp 4		x	2,2m		
					Nhà kiên cố		x	1,6m		
					Nhà kiên cố		x	2,2m		
					Tường rào		x	1,6m		
5	Lương Xuân Trường (SN 10)	1	K5+590	T.Xương	Bán mái		x	3m		
6	Vũ Thị Khuôn (SN 12)	2	K5+600	T.Xương	Tường rào		x	2,5m		
					Nhà cấp 4		x	3m		
7	Vũ Thị Toan (SN 14)	2	K5+550	T.Xương	Bán mái		x	2,5m		
					Bán mái		x	2,8m		
8	Phạm Quốc Đoàn (SN 16)	1	K5+640	T.Xương	Bán mái		x	3m		
9	Lưu Xuân Hồng (SN 18)	1	K5+650	T.Xương	Bán mái		x	2m		
10	Giáp Văn Lợi (SN 20)	1	K5+665	T.Xương	Bán mái		x	2m		
11	Nguyễn Trung Kiên (SN 22)	1	K5+670	T.Xương	Bán mái		x	2,2m		

12	Vũ Tiến Dũng	1	K5+675	T.Xuong	Bán mái		x	2,1m		
13	Ngô Quốc Hiến (SN 24)	1	K5+680	T.Xuong	Bán mái		x	2,5m		
14	Nguyễn Văn Tuấn (SN 26)	1	K5+687	T.Xuong	Bán mái		x	2,6m		
15	Nguyễn Đăng Nhận	1	K7+200	T.Xuong	Bán mái		x	2m		
16	Nguyễn Văn Toàn	3	K7+250	T.Xuong	Công trình phụ		x	Chân đê		
					Nhà cấp 4		x	Chân đê		
					Tường rào		x	Chân đê		
II	PHƯỜNG TRẦN PHÚ	5								
17	Đào Thị Bình (SN 41)	2	K9+050	Trần Phú	Bán mái		x	3m		
					Tường rào		x	2m		
18	Trần Văn Chiến (SN 9)	2	K9+060	Trần Phú	Công trình phụ		x	1m		
					Nhà kiên cố		x	4m		
19	Đặng Văn Tý (SN 37)	1	K9+100	Trần Phú	Tường rào		x	Chân đê		
III	PHƯỜNG LÊ LỢI	11								
20	Hà Văn Dung (SN 167)	3	K10+965	Lê Lợi	Bán mái	x		Chân đê		
					Nhà cấp 4	x		2m		
					Tường rào	x		Chân đê		
21	Hà Bá Thịnh	3	K10+980	Lê Lợi	Bán mái	x		Chân đê		
					Nhà kiên cố	x		4m		
					Tường rào	x		Chân đê		
22	Đỗ Trọng Hoàn	3	K11+200	Lê Lợi	Tường rào		x	Chân đê		
					Bán mái		x	Chân đê		
					Nhà kiên cố		x	4,8m		
23	Nguyễn Văn Thắng	1	K12+260	Lê Lợi	Bán mái	x		Chân đê		
24	Lê Quang Sự (SN 401)	1	K12+270	Lê Lợi	Bán mái	x		Chân đê		
III	XÃ TÂN TIẾN	63								
25	Nguyễn Thị Nga	1	K13+700	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê		
26	Đỗ Văn Mai	1	K14+810	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê		

27	Dương Thị Lộc	1	K14+830	Tân Tiến	Tường rào	x		1m	
28	Lã Văn Tại	1	K14+870	Tân Tiến	Tường rào		x	mái, chân	
29	Nguyễn Trọng Khuê	1	K14+870	Tân Tiến	Tường rào	x		mái, chân	
30	Dương Văn Đuộm	1	K14+890	Tân Tiến	Nhà cấp 4		x	mái, chân	
31	Dương Văn Đuộm	1	K14+890	Tân Tiến	Tường rào		x	mái, chân	
32	Nguyễn Thị Lan	1	K14+885	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
33	Dương Đức Thọ	1	K14+900	Tân Tiến	Lều quán		x	mái đê	
34	Dương Văn Long	1	K14+900	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
35	Dương Văn Khánh	1	K14+910	Tân Tiến	Bán mái		x	mái đê	
36	Dương Văn Sinh	1	K14+915	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
37	Dương Văn Tuấn	1	K14+930	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
38	Dương Văn Sơn	1	K14+930	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
39	Nguyễn Văn Dương	1	K14+940	Tân Tiến	Bán mái		x	mái đê	
40	Dương Văn Thoại	1	K14+940	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
41	Nguyễn Thế Trung	1	K14+960	Tân Tiến	Lều quán		x	mái đê	
42	Đặng Văn Mở	1	K14+980	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
43	Dương Văn Lắm	1	K15+000	Tân Tiến	Công trình phụ	x		chân đê	
44	Dương Văn Lắm	1	K15+000	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
45	Dương Văn Đại	1	K15+005	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
46	Dương Văn Cường	1	K15+010	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
47	Nguyễn Văn Kiêm	1	K15+020	Tân Tiến	Lều quán		x	mái đê	
48	Dương Văn Khuê	1	K15+020	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
49	Dương Văn Khuê	1	K15+020	Tân Tiến	Công trình phụ	x		chân đê	
50	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1	K15+040	Tân Tiến	Lều quán		x	mái đê	
51	Nguyễn Văn Hậu	1	K15+050	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
52	Nguyễn Văn Vy	1	K15+060	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
53	Dương Văn Nịch	1	K15+065	Tân Tiến	Bán mái		x	mái đê	
54	Dương Thị Ván	1	K15+065	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	

55	Dương Văn Nhiều	1	K15+130	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
56	Dương Văn Mạnh	1	K15+200	Tân Tiến	Tường rào	x		chân đê	
57	Hoa Văn Đăng	1	K15+365	Tân Tiến	Bán mái	x		mái đê	
58	Cao Văn Tình	1	K15+510	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê	
59	Cao Văn Chín (Chấp)	1	K15+515	Tân Tiến	Bán mái	x		mái đê	
60	Dương Thị May	1	K15+545	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê	
61	Dương Thị Hiệp	1	K15+555	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê	
62	Đặng Văn Đoán	1	K15+590	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
63	Đặng Văn Đoán	1	K15+590	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê	
64	Vũ Đình Tào	1	K15+600	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
65	Dương Văn Thêm	1	K15+610	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
66	Dương Thị Thiện	1	K15+630	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
67	Hoa Xuân Hạnh	1	K15+635	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
68	Dương Văn Xuất	1	K15+650	Tân Tiến	Lều quán	x		mái đê	
69	Vũ Đình Huấn	1	K15+660	Tân Tiến	Nhà cấp 4	x		mái đê	
70	Dương Văn Khanh	1	K15+680	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
71	Dương Văn Thịnh	1	K15+700	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
72	Dương Thị Là	1	K15+710	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
73	Dương Văn Chính	1	K15+725	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
74	Cao Văn Sinh	1	K15+730	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
75	Dương Văn Bốn	1	K15+730	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	
76	Cao Văn Minh	1	K15+740	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
77	Dương Văn Phòng	1	K15+750	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
78	Dương Văn Sỹ	1	K15+765	Tân Tiến	Nhà cấp 4		x	mái đê	
79	Dương Văn Sỹ	1	K15+765	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
80	Dương Văn Tý	1	K15+785	Tân Tiến	Công trình phụ		x	mái đê	
81	Dương Văn Tý	1	K15+785	Tân Tiến	Tường rào		x	mái đê	
82	Dương Văn Cóong	1	K15+785	Tân Tiến	Tường rào	x		mái đê	

83	Dương Văn Phương	1	K15+795	Tân Tiến	Tường rào		x	mái dề		
84	Dương Văn Thiệp	1	K15+795	Tân Tiến	Tường rào	x		mái dề		
85	Dương Văn Thiệp	1	K15+795	Tân Tiến	Nhà cấp 4	x		mái dề		
86	Dương Văn Xuồng	1	K15+860	Tân Tiến	Tường rào	x		chân dề		
87	Dương Văn Thọ	1	K15+835	Tân Tiến	Tường rào	x		mái dề		
B	HỮU THƯƠNG	45								
I	PHƯỜNG ĐA MAI	20								
1	Công ty Việt Nga	2	36+100	Đa Mai	Nhà cấp 4		x	Sát chân dề		
					Tường rào		x	Sát chân dề		
2	Xưởng gỗ Lan Hoàn	3	36+200	Đa Mai	Nhà cấp 4		x	Sát chân dề		
					Nhà tạm		x	Sát chân dề		
					Tường rào		x	Sát chân dề		
3	Nguyễn Thị Liên	2	36+250	Đa Mai	Tường rào		x	Mái dề		
					Công trình phụ		x	Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
4	Thân Văn Trọng	2	36+270	Đa Mai	Nhà cấp 4		x	Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
					Tường rào		x	Mái dề		
5	Hoàng Thế Phương	1	36+280	Đa Mai	Nhà kiên cố		x	Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
6	Nguyễn Thị Minh	1	36+285	Đa Mai	Nhà kiên cố		x	Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
7	Đỗ Trọng Thành	1	36+260	Đa Mai	Nhà cấp 4	x		Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
8	Nguyễn Văn Huân	4	36+265	Đa Mai	Lều quán	x		Mái dề		
					Công trình phụ	x		Mái dề		
					Nhà cấp 4	x		Chân dề, hành lang bảo vệ dề		
					Tường rào	x		Sát chân dề phía đông		

9	Nguyễn Thị Lan	1	36+280	Đa Mai	Nhà cấp 4	x		Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
10	Nguyễn Văn Côn	2	36+290	Đa Mai	Tường rào	x		Mái dề		
					Nhà kiên cố	x		Chân dề, hành lang bảo vệ dề		
11	Phạm Thị Hoa	1	36+300	Đa Mai	Nhà cấp 4	x		Mái dề, hành lang bảo vệ dề		
II	XÃ SONG MAI	19								
12	Nguyễn Văn Hào	1	34+150	Song Mai	Tường rào	x		Sát chân dề, hành lang bảo vệ dề		
13	Nguyễn Văn Hiếu	1	34+200	Song Mai	Tường rào	x		3m		
14	Nguyễn Văn Du	2	34+220	Song Mai	Công trình phụ	x		2,5m		
					Tường rào	x		3m		
15	Nguyễn Văn Mạnh	2	34+250	Song Mai	Tường rào	x		4 - 5m		
					Công trình phụ	x		4m		
16	Nguyễn Văn Viện	2	34+270	Song Mai	Tường rào	x		2m		
					Công trình phụ	x		2m		
17	Nguyễn Văn Phong	1	34+300	Song Mai	Tường rào	x		3,6m		
18	Nguyễn Văn Sơn	1	34+310	Song Mai	Tường rào	x		3,6 - 4,2m		
19	Nguyễn Văn Tú	1	34+340	Song Mai	Tường rào	x		4,2m		
20	Nguyễn Văn Thành	2	34+360	Song Mai	Tường rào	x		4,3m		
					Công trình phụ	x		3,9m		
21	Nguyễn Văn Hưng	1	34+380	Song Mai	Công trình phụ	x		3 - 3,5m		
22	Phạm Thị Hồi	2	35+830	Song Mai	Nhà cấp 4		x		10m.	
					Công trình phụ		x		8,5m.	
23	Vương Ngọc Hoàn	3	35+850	Song Mai	Công trình phụ		x	Sát chân dề		
					Tường rào		x	Sát chân dề		
					Nhà cấp 4		x	3m		

III	ĐỒNG SƠN	6							
24	Thân Thị Huyền	1	38+150	Đồng Sơn	Lều quán	x		Mái dề	
25	Nguyễn Văn Cúc	3	39+990	Đồng Sơn	Nhà cấp 4		x		Hành lang bảo vệ dề
					Lều quán		x		Chân dề, hành lang bảo vệ dề
					Công trình phụ		x	Chân dề, hành lang bảo vệ dề	
26	Trịnh Văn Viên	2	40+600	Đồng Sơn	Nhà cấp 4	x		3m	
					Công trình phụ				9m

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM ĐỀ ĐIỀU TÒN TẠI TỪ 01/7/2007 ĐẾN 30/6/2018
(Kèm theo Báo cáo số 252 /BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

Biểu số 4

TT	Họ và tên	Xã/ Phường	Vị trí (Km)	Số hành vi	Hình thức vi phạm	Phía		K/C so với MC đề		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						Đ	S	<5M	>5M		
	TỔNG SỐ			78							
A	NĂM 2007			2							
<i>I</i>	<i>Tả Thương</i>			2							
1	Công ty TNHH Việt Ninh	Thọ Xương	7+150	1	Nhà cấp 4		x	Cách chân đê	6m	10x5m	
2	Dương Văn Vĩnh	Tân Tiến	15+035	1	Nhà máy xát		x	Mái đê		(1,5m*3,8m)	
	NĂM 2008			5							
<i>I</i>	<i>Tả Thương</i>			4							
3	Trần Văn Hải	Tân Tiến	13+620	1	Tường rào	x		Chân đê		Dài 20m+5m*2m	
4	Đỗ Văn An	Tân Tiến	13+670	1	Lều quán	x		Mái đê		(4m*3,5m)	
5	Dương Văn Lâm	Tân Tiến	15+290	1	Lều quán	x		Mái đê		(5m*3,5m)	
6	Dương Văn Ngọc	Tân Tiến	15+430	1	Lều quán	x		Mái đê		(8m*3m)	
<i>II</i>	<i>Hữu Thương</i>			1							
7	Thân Thị Hòa	Song Mai	36+250	1	Công trình phụ	x		Mái đê		(4,8x2,5); cao 2,1m	
B	NĂM 2009			6							
<i>I</i>	<i>Tả Thương</i>			3							
8	Trương Thị Tuế	Thọ Xương	5+450	1	Lán tạm		x	Mái đê		27x4x3	
9	Dương Văn Trận	Tân Tiến	14+880	1	Công trình phụ		x	Chân đê		(5m*4m)	
10	Dương Thị Nở	Tân Tiến	15+275	1	Tường rào	x		Chân đê		Dài 5m* cao 1,5m	

II	Hữu Thương			3						
11	Thân Thị Hồng	Đồng Sơn	38+120	1	Tường rào	x		Mái dề		(25 x 1,4)m
12	Trịnh Văn Phồn	Đồng Sơn	38+150	1	Quán	x		Mái dề		(4 x 3 x2)m
13	Thân Thị Hòa	Đa Mai	36+250	1	Nhà cấp 4	x		Mái dề		(3,5 x 4,5 x 2,2)m
C	NĂM 2010			11						
I	Tả Thương			4						
14	Cty TNHH Phương Vượng		7+100	2	Nhà cấp 4		x	Cách chân dề	8,5m	4,5x2,4x2,5
					Nhà tạm		x	Cách chân dề	30m	10x5,6x3
15	Dương Văn Thứ	Tân Tiến	14+880	1	Tường rào	x		chân dề		
16	Dương Văn Thông	Tân Tiến	15+825	1	Tường rào	x		Mái dề		
II	Hữu Thương			7						
17	Phạm Văn Quy	Song Mai	35+810	1	Nhà cấp 4		x	Cách chân dề 4,5m		(7,5 x 4,5)m
18	DNTN Thanh Nhã	Song Mai	35+950	2	Nhà tạm		x	Sát mép bê tông		(5 x 4 x 2,5)m
					Đổ bê tông đường vào		x		(66,6 x 3,5 x 0,2)m	
19	Phí Hữu Quyết	Đồng Sơn	38+050	1	Quán	x		Mặt dề		(4,5x8)m
20	Trịnh Văn Hùng	Đồng Sơn	38+200	1	Quán	x		Mặt dề		(4x4)m
21	Khổng Đức Tứ	Đồng Sơn	38+220	1	Quán	x		Chân dề		(4x5)m
22	Phạm Trí Thời	Song Mai	35+800	1	Nhà cấp 4		x		Cách chân dề 6m	(12,3x4,3)m; cao 5m
D	NĂM 2011			6						
I	Tả Thương			5						
23	Dương Văn Hải	Tân Tiến	15+150	1	Xây nhà kiên cố		x	Sát chân dề		(11x4,2)0,7
24	Dương Thị Diệu	Tân Tiến	15+150	1	Xây tường rào	x		Sát chân dề		(13x0,11)1,5
25	Dương Văn Lâm	Tân Tiến	15+280	1	Xây tường bao	x		Mái dề		(15x0,11)2

26	Dương Văn Vượng	Tân Tiến	15+100	1	Xây tường bao	x		Sát chân đê		(15x0,1)l	
27	Dương Văn Vũ	Tân Tiến	15+170	1	Xây trụ công		x	Cách mép bê tông 1,5m		(0,33x0,33)2,5m x 2 trô (10,0x0,11x1,5)m x 2	
II	Hữu Thương	Tân Tiến		1							
28	Phạm Văn Lập	Tân Tiến	40+850	1	Trồng cây ăn quả	x		Cơ đê		40 cây ăn quả	
Đ	NĂM 2012			12							
I	Tũ Thương			9							
29	Phan Thị Bình	Thọ Xương	7+180	2	Dựng lều quán		x	Chân đê		(5,76x3,56)3,3m	
					Dựng bán mái					(1,78x1,67)2,1	
30	Nguyễn Anh Ngọc	Thọ Xương	7+200	1	Xây móng công trình (quán)		x		Bãi sông	(5,35*4,25*3,5)m	
31	Nguyễn Văn Luân	Thọ Xương	7+250	1	Dựng bán mái		x	Chân đê		(4,7*3,7)*2,1m	
32	Dương Văn Hiền	Tân Tiến	14+700	1	Xây tường bao		x	Mái, chân đê		(22,4x0,22)1,3m	
33	Dương Văn Hải	Tân Tiến	14+990	1	Đào móng XDCT		x	Sát chân đê		(15x4,7)0,6m	
34	Phí Thị Hợi	Tân Tiến	15+200	1	Xây tường rào		x	Chân đê		Tường 1(5x0,11)1m	
										Tường 2(20x0,11)1m	
										Tường 1(25x0,11)1,3m	
35	Dương Văn Khanh	Tân Tiến	15+720	1	Xây tường bao	x		Mái, sát chân đê		(3,8x0,22)1m	
36	Dương Văn Tuấn	Tân Tiến	14+920	1	Xây tầng hầm		x	Mái đê		(15x7) Cao Tb 2,5m	
II	Hữu Thương			3							
37	Phạm Văn Quy	Song Mai	35+810	1	Xây công trình		x	Cách chân đê 11m		(6,50x4,64) sâu TB 2,1m	
38	DNTN Thanh Nhã	Đa Mai	35+950	1	Xây CTP		x	Chân đê		(2,6x2,4)1,1	
39	Nguyễn Văn Thế	Đồng Sơn	39+500	1	Chôn cột bê tông, lán		x	Mái đê		(7,2x6,7) cao từ 2-3m	
E	NĂM 2013			4							

I	Tả Thương			3							
40	Nguyễn Văn Hòa	Thọ Xương	5+280	1	Xây nhà		x	Chân đê		(9*4,4*2)m	
41	Dương Văn Thông	Thọ Xương	15+780	1	Xây móng nhà		x	Mái đê	HLBVĐ	(5,2x4,45)0,2m	
42	Phan Văn Thọ	Tân Tiến	15+070	1	Xây dựng công trình		x	Mép đê		(10x4,5) cao 1,5m	
II	Hữu Thương			1							
43	Trịnh Văn Khang	Đồng Sơn	39+990	1	Xây dựng công trình	x		Sát chân đê		(10x3,5) cao 0,8m	
G	NĂM 2015			3							
I	Tả Thương			3							
44	Dương Văn Thế	Tân Tiến	15+300	1	Xây tường bao	x		Mái đê		(31,6x0,22x0,3)m	
45	Lê Ngọc Sinh	Tân Tiến	15+100	1	Xây dựng công trình		x	Mái đê, chân đê		(11,72m;10,73m)*6,2m	
46	Phan Văn Lục	Tân Tiến	K14+800	1	Xây dựng công trình Xây tường rào		x	Mái, chân,HLĐ Sát mép đê		(9,34*5,1)m ² (2,9+3,2)m	
H	NĂM 2016			13							
I	Tả Thương			13							
47	Phan Văn Lục	Tân Tiến	14+800	1	Xây nhà bán mái		x	Mái, chân, HL đê		(9,5x44)	
48	Dương Khắc Hiến	Tân Tiến	14+950	1	Xây tường rào trụ cổng	x		Mái, chân đê		+ Tường rào có KT dài 19,4m; cao 1,67m	
										+ Trụ cổng: (0,47x0,47)x3,3mx02 trụ	
										+ Đổ bê tông: dài 12m; rộng 3,4m	
										+ Tường chắc đất dài 19m; cao 0,37; dày 0,22	
49	Phan Văn Thùy	Tân Tiến	15+110	1	Xây tường rào trụ cổng		x	Mái đê		+ Tường rào dài 1,94m	

										+ Trụ công (0,55x0,55)2,4m x 02 trụ công	
50	Dương Văn Long	Tân Tiến	15+450	1	Chôn cột sắt, dựng mái tôn làm quán bán mái	x		Mái dề (sát mặt dề)		(5,5m*6,05m)	
51	Dương Văn Đại	Tân Tiến	15+020	1	Xây tường rào, trụ công		x	Mái dề		+ Tường rào dài 2,36m; dày 0,11m; cao 0,4m + Trụ công.	
52	Dương Văn Cường	Tân Tiến	15+090	3	Công trình phụ		x	Mái, chân, HLdề		KT (0,2x0,2)m ² x cao 4m x 04 cột.	
										+ Tường dọc dề: (6,5x0,22)m, cao 0,7m	
										+ Tường vuông với dề (9,5x0,22) cao 3m	
										+ (11,6x6,8) + (6,9x4,4)m	
					- Xây nhà cấp 4		x	Mái, chân dề	KT (6,9x4,6)m		
					- Dựng nhà bán mái		x	Mái dề	KT (19,5x6,8)		
53	Dương Văn Khánh	Tân Tiến	15+190	1	Xây tường rào, trụ công	x		Mái, sát chân dề		+ Tường 1: (1,3x0,11) x0,7m	
										+ Tường 2: (1x0,22)x 0,7m	
										+ Tường 3: (3,7x0,22) x 0,3 m	
										+ Trụ công: (0,45x0,457)x 2,5mx02 trụ	
54	Vũ Đình Thuận	Tân Tiến	16+290	1	Xây dựng công trình phụ		x	Hành lang dề	KT (2,2x3,2)m dày 0,11m; cao TB 2mXây tường: 3,8m; cao 1,1m; dày 0,11m		

55	Dương Văn Huyền	Tân Tiến	15+880	1	Chôn cột làm hàng rào	x		Mái dề		Dài 40m dọc dề; dài 10m vuông góc với dề
56	Dương Văn Thiệp	Tân Tiến	15+755	1	Xây dựng tường rào, trụ cổng	x		Mái dề		T1: (7,4x0,22)m cao 0,6m vuông góc với dề T2: (7,4x0,12)m cao 0,6m vuông góc với dề T3: (0,9x0,11)m cao 0,6m dọc dề
57	Lê Đình Hiệu	Tân Tiến	14+000	1	Xây tường bao		x	Trong HLBVD		Dài 49,4m; cao 1m; cây tường 10
I	NĂM 2017			15						
<i>I</i>	<i>Tả Thương</i>			8						
58	Dương Văn Trận	Tân Tiến	14+850	1	Xây dựng công trình		x	Mái dề		KT (4,5mx5m) cao 3-4m
59	Dương Văn Huy	Tân Tiến	15+710	1	Xây tường rào, trụ cổng	x		Mái dề		- Tường rào dài 19,2m; cao TB 0,7m - Trụ cổng (0,45x0,45x0,5)m x 01 trụ
60	Hoa Văn Thọ	Tân Tiến	15+145	1	Công trình phụ	x		Sát chân		(14x2,8)m cao 0,55-3m
61	Dương Thị Vồng	Tân Tiến	15+310	1	Dựng bán mái bằng khung xương	x		Cách mép bê tông 3,3m		04 cột thép có KT: (40x80x1,4x6000) mm 02 cột thép có KT: (30x60x1,4x6000) mm
62	Dương Văn Đông	Tân Tiến	15+330	1	Sửa chữa công trình cũ	x				Vách bụng tôn (2,5x2)m, cao 2,9m Lợp mái tôn dài 9,8m; rộng 6,1m.
63	Dương Văn Tuấn	Tân Tiến	15+312	1	Dựng bán mái khung thép, lợp tôn		x			04 cột thép có KT: (50x100x1,4x6000) mm (12,85x4)m

64	Nguyễn Văn Hòa	T.Xương	5+200	2	- Đổ cột bê tông bờ ao - Đổ cột bê tông bờ aodô b.tông mặt sân bờ ao	x		Mép sông, bãi sông	(0,2x0,2x3,6)m x 16 cột(0,2x0,2x2,9)m x 04 cột(28,7x4,1)m dày 0,1m
II	Hữu Thương			7					
65	Nguyễn Thị Hà	Đông Sơn	40+550- 40+650	2	Chôn cột điện H5;H6	x		Chân, cơ	12 cột điện
					- Chôn cột làm hàng rào dây thép gai	x		Mặt cơ đê	+ KT: Dài 250m; cao từ 1,3m đến 1,5m
66	Công ty bến bãi Đông Sơn	Đông Sơn	41+490 41+730	2	- Bơm chất tải cát - Đổ đất	x		Bãi sông	- Khối lượng khoảng 10,000m ³ - khối lượng khoảng 150m ³
67	Vũ Anh Tuấn	Đông Sơn	42+300 42+760	3	- Chôn 16 cột điện - Chôn 70 cột ống kẽm - Trồng cây lâu năm	x		Mặt, mái, cơ	- Cột H5;H6 - cột cao 1,5-1,7m - 60 cây